

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HC-PT

Ngày: 10-01-2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 15-8-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đặng Thị T; địa chỉ: Thôn T 2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N – Chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Quốc Hoài H; địa chỉ: thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Do có kháng cáo của bà Đặng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện bà Đặng Thị T trình bày:***

Mẹ bà (bà Phan Thị M) là người sử dụng hợp pháp thửa đất số 30, tờ bản đồ số 34, diện tích 572m² (gồm 400m² đất ở và 172m² đất vườn), địa chỉ thửa đất tại T (Nay T 2), xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A (Nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất R296540 ngày 26/6/2000 (Số vào sổ cấp GCN: 01326/QSĐĐ/284/2000/QĐ-UB (H)). Năm 2002 mẹ bà qua đời, mẹ bà chỉ có một người thừa kế duy nhất là bà nên đến năm 2018, bà đã làm thủ tục nhận di sản thừa kế, nhận thừa kế toàn bộ thửa đất nêu trên của mẹ bà chết để lại. Do vậy, bà là người được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 30, tờ bản đồ số 34, diện tích 572m² (Gồm 400m² đất ở và 172m² đất vườn), tại T 2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất R 296540 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 26/6/2000.

Ngày 01/3/2019 vừa qua, Ủy ban nhân dân thị xã A ban hành Quyết định số 475/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai, theo đó quyết định có nội dung “thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số phát hành R 296540, ngày 26/6/2000 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho hộ bà Phan Thị M. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện A, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn T 2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Hiện bà Đặng Thị T đã đăng ký biến động đất đai trên trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức khai nhận di sản thừa kế, do bà Phan Thị M đã chết”. Lý do thu hồi giấy chứng nhận nêu tại Quyết định số 475/QĐ-UBND là: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai...”.

Bà nhận thấy, việc Ủy ban nhân dân thị xã A ban hành Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 296540 của bà là trái với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, bởi thửa đất số 30, tờ bản đồ số 34, diện tích 572m² tại T 2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai đã được mẹ bà sử dụng ổn định từ rất lâu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, sau khi mẹ bà chết thì bà được thừa kế lại toàn bộ thửa, đất và đã được đăng ký biến động đất đai trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 296540 theo đúng quy định của pháp luật. Vậy lý do gì nay Ủy ban nhân dân thị xã A thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 296540 của bà.

Việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 296540 của bà là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND thị xã A về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai.

**** Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ; Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai do ông Nguyễn Hữu N trình bày:***

- Về căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân thị xã A ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 296540 do UBND thị xã A cấp ngày 26/6/2000.

Vụ việc tranh chấp đất đai giữa bà Phan Thị M (mẹ bà Đặng Thị T) và bà Ngô Thị H đã được phòng Địa chính huyện A, tỉnh Gia Lai (Nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A, tỉnh Gia Lai) kiểm tra, xác minh, báo cáo, đề xuất giải quyết. Trên cơ sở Báo cáo số 05/BC-ĐC ngày 14/01/1999 của Phòng Địa chính huyện A về việc báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà Ngô Thị H, Ủy ban nhân dân huyện A ban hành quyết định số 11/QĐ-UB ngày 28/01/1999 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ngô Thị H. Theo Quyết định giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện A thừa nhận diện tích đất của bà Phan Thị M là 366m², diện tích đất của bà Ngô Thị H là 3.134m².

Năm 2000, bà Phan Thị M và bà Ngô Thị H làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, bà Phan Thị M được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 296540 ngày 26/6/2000 với diện tích 572m², bà Ngô Thị H được Ủy ban nhân dân huyện A thừa nhận diện tích đất là 2.767m².

Sau khi được cấp giấy chứng nhận, bà Ngô Thị H tiếp tục khiếu nại việc Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận cho bà bị thiếu diện tích đất so với Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-UB là 367m², bà Phan Thị M được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận thừa diện tích đất so với Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-UB là 206m². Sau khi thẩm tra, xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A ban hành Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị M và bà Ngô Thị H năm 2000 là không đúng quy định, yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định số 11/QĐ-UB ngày 28/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện A.

Để thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị M theo quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã A, các cơ quan chức năng đã nhiều lần yêu cầu bà Phan Thị M và sau này là bà Đặng Thị T (con gái bà Phan Thị M) thực hiện đăng ký biến động đất đai để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng bà Phan Thị M và bà Đặng Thị T không thực hiện.

Năm 2018, bà Ngô Thị H có đơn kiến nghị đề nghị thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại số 2255/QĐ-UBND ngày 07/8/2006. Căn cứ quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ngô Thị H, Ủy ban nhân dân thị xã A ban hành quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

R296540 cấp ngày 26/6/2000 cho hộ bà Phan Thị M (hiện bà Đặng Thị T đã đăng ký biến động đất đai với hình thức khai nhận di sản thừa kế và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã A xác nhận vào trang tư của Giấy chứng nhận) là đúng theo quy định pháp luật về đất đai, quy định tại điều 106 Luật đất đai năm 2013 và Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Ủy ban nhân dân thị xã A không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã A về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về yêu cầu hủy quyết định hành chính, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định hành chính nêu trên. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho phía người bị kiện đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã A về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 15-8-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, 204, 206 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND thị xã A về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/8/2019 bà Đặng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện bà Đặng Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Toàn bộ diện tích đất của mẹ Tôi bà Phan Thị M đã sử dụng liên tục và ổn định và đã được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi mẹ tôi mất Tôi là con duy nhất nên được kê khai di sản thừa kế của mẹ để

lại, không có lý do gì UBND thị xã A đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ tôi; do đó Tôi đề nghị hủy Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 1/3/2019 của UBND thị xã A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã A trình bày: Ngày 28/1/1999 UBND huyện A đã ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Ngô Thị H và bà Phan Thị M (mẹ bà Đặng Thị T) và xác định bà Phan Thị M được sử dụng diện tích đất: 366m², bà Ngô Thị H được sử dụng 3.134m²; tuy nhiên năm 2000 khi cấp đại trà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở đo vẽ thực tế UBND huyện A đã cấp dư cho bà M 572m² đất và cấp thiếu cho bà H 2.767m²; năm 2006 bà H tiếp tục khiếu nại UBND thị xã A đã ban hành quyết định số 2255/QĐ-UBND v/v giải quyết đơn khiếu nại bà H yêu cầu các bên thực hiện theo quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 28/1/1999 của UBND huyện A, do đó ngày 1/3/2019 UBND thị xã A đã ban hành quyết định 475/QĐ-UBND v/v thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng đối với bà Phan Thị M là đúng.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: -Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc tranh tụng tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đầy đủ quy định tố tụng đây là phiên tòa mở lần đầu nhưng vẫn tiến hành xét xử được. -Về nội dung: Bà Đặng Thị T là người thừa kế di sản là toàn bộ diện tích đất của mẹ bà Phan Thị M vào năm 1999 bà Phan Thị M và bà Ngô Thị H đã tranh chấp UBND huyện A đã giải quyết bằng quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 28/1/1999 quyết định này đã có hiệu lực pháp luật công nhận diện tích đất bà M sử dụng là 366m² nhưng năm 2000 UBND huyện A lại cấp giấy chứng nhận cho bà M diện tích 572m² là không đúng, UBND thị xã A ban hành quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 1/3/2019 để thực hiện quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 28/1/1999 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho bà M là đúng; Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng pháp luật, tại cấp phúc thẩm bà T không có chứng cứ nào mới khác; do đó đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai có Văn bản số 29/UBND-Vp ngày 8/1/2020 V/v đề nghị vắng mặt trong phiên tòa xét xử phúc thẩm và đề nghị giữ nguyên nội dung đã trình bày tại Tòa án sơ thẩm, tại phiên tòa bà Đặng Thị T đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử; Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị T, thấy: Bà Đặng Thị T được hưởng thừa kế của cụ Phan Thị M diện tích đất 572m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R296540 ngày 5/9/2000 của UBND huyện A cấp cho bà Phan Thị M. Nguồn gốc diện tích đất này cụ Phan Thị M mua của ông Tăng Thế Y năm 1979 diện tích 510m² giáp ranh với đất của cụ Ngô Thị H, giữa cụ Ngô Thị H và cụ Phan Thị M phát sinh tranh chấp diện tích đất sử dụng, ngày 28/1/1999 UBND huyện A đã giải quyết tranh chấp đất giữa hai bên và đã có quyết định số 11/QĐ-

UBND tại quyết định đã xác định cụ Phan Thị M được sử dụng diện tích đất 366m² và cụ Ngô Thị H được sử dụng 3.134m². Vào năm 2000 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ sử dụng đất, UBND huyện A đã cấp cho cụ Phan Thị M diện tích 572m² (trong đó 400m² đất ở và 172m² đất vườn) còn cụ Ngô Thị H được cấp 2.767m² là không đúng quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 11/QĐ-UBND ngày 28/1/1999 của UBND huyện A; sau khi được cấp giấy chứng nhận bà Ngô Thị H tiếp tục có đơn khiếu nại, ngày 7/8/2006 UBND thị xã A có quyết định số 2255/QĐ-UBND xác định việc cấp giấy chứng nhận cho bà Phan Thị M và bà Ngô Thị H năm 2000 là không đúng và yêu cầu tổ chức cá nhân có liên quan thực hiện đúng quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 28/1/1999 của UBND huyện A; ngày 3/1/2019 UBND thị xã A đã ban hành quyết định số 475/QĐ-UBND v/v thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 28/1/1999.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Đặng Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của Bà là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003085 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, cụ thể:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND thị xã A về việc thu hồi Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 000787 ngày 25/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003085 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai.

Bà Đặng Thị T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn